

2.税金

市民税課 ([TEL:0823-25-3193](tel:0823-25-3193))

(1) 外国人と税金

外国人であっても、一定の要件に当てはまる場合には、税金を納める必要があります。

税金を納めなければならない人とは

- ・ 日本国内で働いて得た収入がある人 → 原則として所得税を納める必要があります。
- ・ 1月1日現在で日本に住所がある人 → (前年の所得に応じて)住民税を納める必要があります。
また、日本に住んでいない外国人(観光客など)でも、ホテルに宿泊したり、食事をしたりと、消費税を負担する必要があります。

わたしたちが納めた税金は、身近なところで使われています。一番多く使われているのは「社会保障」にかかるものです。「社会保障」とは、わたしたちが安心して生活していくために必要な「医療」「年金」「介護」「福祉」などの公的サービスのことをいいます。

(2) 日本の税金のシステム

日本の税金は、国に納める「国税」(主に所得税など)と、県や市町村に納める「地方税」(主に住民税など)があります。国税と地方税はそれぞれ納めるところが異なります。
また、自分で納付する「直接税」と、物を購入したときに税金が代金に含まれている「間接税」(消費税など)があります。

2.THUẾ

Bộ phận thuế cư trú ([TEL:0823-25-3193](tel:0823-25-3193))

(1) Người nước ngoài và tiền thuế

Người nước ngoài cũng phải nộp thuế nếu nằm trong diện phải nộp thuế.

Ai là người phải nộp thuế

- ・ Những người đang làm việc và có thu nhập tại Nhật Bản → Về nguyên tắc, cần phải nộp thuế thu nhập.
- ・ Những người có địa chỉ tại Nhật Bản kể từ ngày 1 tháng 1 năm bất kỳ → Cần phải nộp thuế cư trú (dựa theo thu nhập của năm trước đó).
Ngoài ra, ngay cả khi người nước ngoài không sống ở Nhật Bản (khách du lịch, v.v.) cũng phải nộp thuế tiêu dùng khi sử dụng dịch vụ lưu trú khách sạn hoặc ăn uống.

Các khoản thuế này được sử dụng cho đảm bảo môi trường sống, phần lớn được dùng cho an sinh xã hội như: Chăm sóc y tế, lương hưu, chăm sóc cho người cao tuổi và phúc lợi xã hội, v.v.. những dịch vụ cần thiết để đảm bảo cho người dân yên tâm sống tại Nhật Bản.

(2) Hệ thống thuế của Nhật Bản

Thuế Nhật Bản có hai loại: Thuế quốc gia (chủ yếu là thuế thu nhập) nộp cho đất nước và Thuế địa phương (chủ yếu là thuế cư trú) nộp cho các tỉnh, thành phố, v.v.. Thuế quốc gia và Thuế địa phương được nộp về các cơ quan khác nhau.

Ngoài ra, còn có Thuế trực thu mà bạn chi trả trực tiếp và Thuế gián thu (thuế tiêu thụ, v.v..) được bao gồm trong giá cả khi bạn mua/tiêu thụ hàng hóa hoặc dịch vụ.

		直接税	間接税
国 税		所得税（通常は給与から引かれる）、法人税、相続税、贈与税など	消費税、酒税、たばこ税、関税など
地方税	都道府県税	都道府県民税、事業税、自動車税 など	地方消費税、道府県たばこ税など
	市町村税	市町村民税、固定資産税、軽自動車税など	市町村たばこ税、入湯税など

※都道府県民税と市町村民税のことを一般に住民税といいます。

		Thuế trực thu	Thuế gián thu
Thuế quốc gia		Thuế thu nhập (thường được trừ vào lương), thuế doanh nghiệp, thuế thừa kế, thuế quà tặng, v.v.	Thuế tiêu thụ, thuế rượu, thuế thuốc lá, thuế hải quan, v.v.
Thuế địa phương	Thuế tỉnh	Thuế cư trú tỉnh, thuế kinh doanh, thuế ô tô, v.v.	Thuế tiêu dùng địa phương, thuế thuốc lá của tỉnh, v.v.
	Thuế thành phố	Thuế cư dân thành phố, thuế tài sản, thuế xe hạng nhẹ, v.v.	Thuế thuốc lá thành phố, thuế tắm suối nước nóng, v.v.

※Thuế tỉnh và thuế thành phố thường được gọi là thuế cư trú.

(3) 主な税金のしくみ

〈所得税〉

1月1日から12月31日までの1年間に生じた個人の所得にかかる税金です。

「所得税」は以下の①②、いずれかの方法で納めます。

- ① 会社などで働いている人は毎月の給料から引かれます。
→ 源泉徴収
その年最後の給与の支払を受ける際に所得税の精算（年末調整）が行われます。
給与の支払者から、その支払金額等を記載した「源泉徴収票」が給与の支払を受ける人に交付されることとなっています。
- ② 自分で会社を営んでいる人や、2つ以上の会社などから給料をもらっている人などは、働いた次の年の2月16日から3月15日の間に、お住まいの地域の税務署に書類を提出し、確定した税額をコンビニエンスストアや銀行、郵便局などで納めます。
→ 確定申告

(3) Hệ thống thuế chính

〈Thuế thu nhập〉

Đây là loại thuế đánh vào thu nhập cá nhân phát sinh trong năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Thuế thu nhập được nộp theo một trong các phương thức ① và ② sau.

- ① Người làm việc tại các công ty sẽ bị trừ lương hàng tháng. → Khấu trừ thuế tại nguồn
Thuế thu nhập sẽ được quyết toán vào tháng lương cuối cùng của năm (điều chỉnh thuế cuối năm - Nenmatsu chosei).
Người trả lương sẽ cấp Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn, trong đó có ghi số tiền thanh toán, v.v ... cho người lao động.
- ② Đối với những người có công ty riêng hoặc nhận lương từ hai công ty trở lên, trong khoảng thời gian từ ngày 16/2 – 15/3 của năm tiếp theo cần nộp hồ sơ quyết toán thuế cho cơ quan thuế tại khu vực họ sống và nộp số thuế đã chót tại cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện, v.v. → Khai báo quyết toán thuế (Kakutei shinkoku)

〈住民税（市民税・県民税）〉

その年の1月1日に住んでいる市町村で、前年中（1月1日～12月31日）に所得のあった人に課せられる税金です。

住民税は、前の年の1年間の所得に対して、課せられる地方税です。

※生活保護を受けている人や、障害者、未成年、寡婦またはひとり親で前年の合計所得金額が135万円以下の人は課税されません。

「住民税」は以下の①②、いずれかの方法で納めます。

- ① 会社などで働いている人は毎月の給料から引かれます。→ **特別徴収**
勤務先へ5月に税額通知書が送付されます。
- ② 会社などで働いていない人は、市町村から6月中に自宅へ納税通知書が届きます。その納税通知書に書かれている税額をコンビニエンスストアや銀行、郵便局などで納めます。
→ **普通徴収**

〈自動車税（種別割）〉

自動車（排気量が660cc超の車）を持っている人にかかる税金です。税額は排気量等によって異なります。

車両を登録している都道府県から納税通知書が届きます。その納税通知書に書かれている税額をコンビニエンスストアや銀行、郵便局などで払います。

〈軽自動車税（種別割）〉

毎年4月1日現在、バイクや軽自動車（排気量が660cc以下の車）を持っている人にかかる税金です。人に譲ったり、廃車にしたりしても、手続きしていなければ、引き続き課税されます。盗難や、紛失の場合は、察に届け出てから手続きをしてください。転出するときも手続きが必要です。

車両を登録している市町村から納税通知書が届きます。その納税通知書に書かれている税額をコンビニエンスストアや銀行、郵便局などで払います。

〈Thuế cư trú (thuế thành phố / thuế tỉnh)〉

Thuế này được đánh vào những người có địa chỉ tại thành phố vào ngày 1 tháng 1 và tính trên thu nhập trong năm trước đó (từ ngày 1/1 – 31/12).

Thuế cư trú là loại thuế địa phương đánh vào thu nhập trong vòng 1 năm trước đó.

※Những người đang nhận trợ cấp sinh hoạt, người khuyết tật, trẻ vị thành niên, góa phụ hoặc cha mẹ đơn thân có tổng thu nhập trong năm trước đó là 135 vạn yên trở xuống không phải nộp thuế này.

Thuế cư trú được nộp theo một trong hai phương thức sau.

- ① Người làm việc tại các công ty sẽ bị trừ lương hàng tháng. → **Phương thức đặc biệt**
Tháng 5 hàng năm, Thông báo tiền thuế sẽ được gửi về nơi làm việc của người lao động.
- ② Người không làm việc tại công ty sẽ nhận được Thông báo nộp thuế gửi trực tiếp đến nhà của bạn vào tháng 6. Bạn cần nộp đúng số thuế ghi trên Thông báo đó tại các cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện, v.v.
→ **Phương thức thông thường**

〈Thuế ô tô (tỷ lệ thuế khác nhau dựa trên loại xe)〉

Đây là loại thuế đánh vào những người sở hữu ô tô (phân khối trên 660cc). Số tiền thuế phụ thuộc vào thể tích khí thải của phương tiện, v.v..

Bạn sẽ nhận được Thông báo nộp thuế từ cơ quan hành chính tỉnh/thành phố nơi bạn đăng ký xe. Bạn cần nộp đúng số thuế ghi trên Thông báo đó tại các cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện, v.v.

〈Thuế xe hạng nhẹ (tỷ lệ thuế khác nhau dựa trên loại xe)〉

Thuế này đánh vào người sở hữu xe mô tô hoặc xe hạng nhẹ (xe từ 660cc trở xuống) kể từ ngày 1 tháng 4 hàng năm. Nếu bạn không làm thủ tục cho -tặng hoặc vứt bỏ xe đó, bạn sẽ tiếp tục chịu thuế trong năm tiếp theo. Khi bị mất cắp hoặc thất lạc, vui lòng báo cảnh sát. Khi chuyển nơi ở sang tỉnh/thành phố khác cũng cần làm thủ tục.

Bạn sẽ nhận được Thông báo thuế từ thành phố nơi bạn đăng ký xe. Cần nộp đúng số thuế ghi trên Thông báo này tại các cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện, v.v..

(4) 税金に関するポイント

〈税の証明〉

在留期間を延ばすとき、入国管理局から税金の証明書を求められることがあります。

収入がない人は、課税されていないため、納税証明書を発行できません。

市県民税の申告をして、「所得・課税証明書」を請求してください。

その年の1月1日に呉市に住所のない人は、呉市では証明が発行できません。

(4) Các điểm cần lưu ý liên quan đến thuế

〈Xác nhận về thuế〉

Khi gia hạn thời gian lưu trú, có thể Cục quản lý xuất nhập cảnh sẽ yêu cầu nộp giấy xác nhận thuế.

Những người không có thu nhập tức không nộp thuế sẽ không có giấy này (thay vào đó, có thể xin Giấy xác nhận thuộc đối tượng miễn thuế).

Vui lòng nộp tờ khai thuế thị dân và yêu cầu cấp "Giấy chứng nhận thu nhập và thuế cần nộp".

Nếu bạn không có địa chỉ tại Thành phố Kure vào ngày 1 tháng 1 năm đó, thành phố Kure không thể cấp giấy chứng nhận này cho Bạn.

主な種類	請求場所	請求の際に必要なもの	手数料
所得・課税証明	市民税課 市民窓口課	在留カード	300円 (各1件)
納税証明	各市民センター		

※マイナンバーカードを持っている場合は、コンビニエンスストアでも請求することができます。コンビニエンスストアでの手数料は200円です。

Các loại chính	Nơi yêu cầu	Giấy tờ cần thiết	Lệ phí
Xác nhận thu nhập và thuế cần nộp	Bộ phận thuế cư trú Bộ phận tiếp dân	Thẻ lưu trú	300 yên /tờ
Xác nhận nộp thuế	TT hành chính địa phương		

※Nếu có Thẻ mã số Cá nhân, bạn cũng có thể in giấy này tại một cửa hàng tiện lợi. Phí ở cửa hàng tiện lợi là 200 yên.

〈日本から出国する場合〉

日本に住所及び居所がなくなる場合、原則として出国前にその年の給与について年末調整を受けることとなります。

確定申告が必要となる場合には、出国前に確定申告及び納税を行う必要があります。

出国した後で、確定申告や納税などの手続きを行う必要がある場合には、日本国内に居住する納税管理人を選び「納税管理人の届出書」を所轄税務署に提出してください。出国後に納税管理人が本人に代わって手続きを行うこととなります。

〈Khi rời Nhật Bản〉

Theo nguyên tắc, trước khi bạn cắt địa chỉ để rời khỏi Nhật Bản, bạn sẽ phải làm Điều chỉnh Lương và Thuế Cuối Năm.

Nếu cần phải làm thủ tục khai thuế, bạn cần phải thực hiện và nộp thuế trước khi rời Nhật Bản.

Nếu bạn muốn làm sau khi rời Nhật Bản, hãy nhờ một người đại diện thay bạn quản lý thuế cư trú tại Nhật Bản và gửi "Tờ khai thông tin người quản lý thuế" cho cơ quan thuế. Sau khi bạn rời khỏi Nhật Bản, người sẽ thay bạn làm thủ tục về thuế trên.

〈海外の親族などを扶養控除の対象にしたいとき〉

毎年会社から配られる「給与所得者の扶養控除等（異動）申告書」に扶養親族（給料をもらっている人の〔※1〕親族で，〔※2〕生計を一にする人のうち，前年の合計所得金額が48万円以下である人）などを記入して提出することで，源泉徴収される税金の負担を軽減することができます。

扶養控除，配偶者控除等の適用を受けるためには，給与等の支払者に親族関係書類・送金関係書類の提出又は提示をする必要があります。

また，令和5年1月からは，扶養控除の対象となる人は，扶養親族のうち次の（1）から（3）までのいずれかに該当する人に限られています。

（この扶養控除の適用を受けようとする人は，給与等の支払者に一定の〔※3〕確認書類の提出又は提示をする必要があります。）

- （1）年齢16歳以上30歳未満の人
- （2）年齢30歳以上70歳未満の人のうち，次の①から③までのいずれかに該当する人
 - ①留学により国内に住所及び居所を有しなくなった人（留学ビザ等書類）
 - ②障害者に該当する人
 - ③扶養控除の適用を受ける人から，その年において生活費又は教育費に充てるための支払を38万円以上受けている人（38万円送金書類）
- （3）年齢70歳以上の人

※1，※2，※3の説明

- ※1 親族には，「配偶者」，「子」，「孫」，「父母」，「祖父母」，「兄弟姉妹」，「配偶者の父母」，「配偶者の祖父母」，「配偶者の兄弟姉妹」などが含まれます。
- ※2 一緒に住んでいない日本国外で暮らす親族でも，扶養の要件を満たせば対象者となります。
- ※3 確認書類が外国語で作成されている場合には，その和訳文も必要です。

〈Khi bạn muốn đăng ký người phụ thuộc cho người thân sống ở ngoài Nhật Bản để giảm trừ thuế〉

Bạn có thể giảm bớt tiền thuế khấu trừ vào tiền lương bằng cách điền thông tin vào "Tờ khai (hoặc thay đổi) khấu trừ thuế cho người có thu nhập từ lương phần kê khai người phụ thuộc" và nộp cho công ty hàng năm.

Điều kiện của người phụ thuộc là: Người thân của người nhận lương(※1) hoặc Người cùng chi trả chi phí sinh hoạt với người nhận lương và có tổng thu nhập năm trước đó dưới 480.000 yên (※2).

Để được xét duyệt Khấu Trừ Cho Người Phụ Thuộc hoặc Khấu Trừ Cho Người Phối Ngẫu, cần nộp kèm hoặc xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ đó và giấy chứng nhận gửi tiền khi làm thủ tục.

Ngoài ra, từ tháng 1 năm 2023, đối tượng được Khấu Trừ Phụ Thuộc là người thân trong gia đình của người nhận lương và nằm trong 3 đối tượng sau:

(Để được xét duyệt khấu trừ phụ thuộc, cần nộp kèm hoặc xuất trình cho công ty giấy tờ chứng minh cùng chi trả từ thu nhập khi làm thủ tục.)

- （1） Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 30 tuổi
- （2） Người từ đủ 30 tuổi đến dưới 70 tuổi và thuộc 1 trong 3 trường hợp sau:
 - ① Người đi du học ở nước ngoài, không sinh sống tại Nhật Bản (Giấy tờ như visa du học, v.v..)
 - ② Người tàn tật
 - ③ Trong năm đó nhận từ người làm thủ tục khấu trừ từ 380.000 yên trở lên để trang trải chi phí sinh hoạt hoặc học phí (cần giấy xác nhận chuyển tiền)
- （3） Người từ đủ 70 tuổi trở lên.

Giải thích về ※1，※2，※3

- ※1 Người thân có thể đăng ký phụ thuộc bao gồm Vợ/chồng, con, cháu, cha mẹ, ông bà, anh chị em, cha mẹ của vợ/chồng, ông bà của vợ/chồng, anh chị em của vợ/chồng, v.v..
- ※2 Ngay cả khi là người thân không sống cùng nhau mà đang sống ở bên ngoài Nhật Bản, thì nếu đủ điều kiện vẫn có thể đăng ký giảm trừ cho người đó.
- ※3 Các giấy tờ được viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Nhật cần nộp kèm bản dịch sang tiếng Nhật.

・親族関係書類 ➡
親族であることを証明する母国が発行する書類の
原本（出生証明書など）

・送金関係書類 ➡
金融機関が発行する海外送金明細書など

・38 万円送金書類 ➡
送金関係書類のうち、送金金額の合計額が 38
万円以上であることを明らかにする書類

複数人の海外居住親族について扶養控除等の適
用を受ける場合は、その親族ごとに送金等を行う
ことが必要となります。

したがって、例えば、配偶者と子が海外居住親族
に当たる場合で、配偶者に一括して生活費を送
金しているときは、その送金関係書類は配偶者に
係る送金関係書類には該当しますが、子に係る
送金関係書類には該当しないこととなります。

・留学ビザ等書類 ➡
外国における査証（ビザ）に類する書類や在留
カードに相当する書類

詳しくは

市民税課 ☎ : 0823-25-3193

呉税務署 ☎ : 0823-23-2424

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

・ Giấy chứng nhận quan hệ gia đình ➡
Các giấy tờ gốc do nước đó cấp chứng minh cho mối
quan hệ gia đình, có ghi rõ thông tin của người thân đó
(ví dụ như Giấy khai sinh, v.v..).

・ Các giấy tờ liên quan đến việc chuyển tiền ➡
Giấy xác nhận chuyển tiền ra nước ngoài, v.v. do các tổ
chức tài chính cấp với tổng số tiền là từ 380.000 yên trở
lên.

Trường hợp muốn đăng ký giảm trừ gia cảnh cho nhiều
thân nhân không cư trú thì cần thực hiện gửi tiền riêng
biệt cho từng người.

Ví dụ như: Vợ/chồng cùng với con sống ở bên ngoài
Nhật Bản. Khi bạn gửi tiền chu cấp sinh hoạt phí, trên
giấy tờ chứng minh được việc gửi tiền cho vợ/chồng
nhưng không thể hiện được việc gửi tiền cho con.

・ Các giấy tờ visa du học, v.v..
Giấy tờ như thị thực ở nước ngoài (visa) hoặc giấy tờ
có chức năng như thẻ cư trú (thẻ ngoại kiều).

Để biết thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ tới:

Bộ phận thuế cư trú thành phố ☎ : 0823-25-3193

Sở thuế Kure ☎ : 0823-23-2424

Trung tâm giao lưu quốc tế ☎ : 0823-25-5604

